TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ HN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 487/2019/QĐST-HNGĐ	*HN, ngày 09 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số 352/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thu T** – sinh năm 1991

- Bị đơn: Anh **Phạm Trọng Ng** – sinh năm 1987

Cùng HKTT: Phòng 20.., D1CT2 Tây N L Đ, phường H L, quận H, H N

Căn cứ vào Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2019;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Trần Thị Thu T** và anh **Phạm Trọng N**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị T và anh N cùng xác định có hai con chung là Phạm Trọng Đ – sinh ngày 19/3/2013 và Phạm Ngọc A T – sinh ngày 08/7/2016. Anh, chị thỏa thuận giao cả hai con chung cho anh N trực tiếp chăm sóc giáo dục, nuôi

dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/2 con/1 tháng (2.500.000 đồng/1con/1 tháng). Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 8/2019.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom gặp gỡ con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị T, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Chị T, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp theo biên lai số 4082 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường Trần Q K,
TP NĐ, tỉnh NĐ.
- Lưu hồ sơ vụ án.
- …….

THẨM PHÁN

Vũ Thị Ng